

Số: *HT*/2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày *15* tháng *12* năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2023/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6073/TTr-STC ngày 01/12/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2025. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình làm đại diện chủ sở hữu hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục PTDNNN - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QL xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THL. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam



UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 447/2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thực hiện và trách nhiệm của các sở, ngành trong công tác giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu theo điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Trường hợp quy định của pháp luật về số khác quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về số khác.

Những nội dung chưa quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (gọi tắt là UBND tỉnh Quảng Trị);

2. Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (gọi tắt là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) do UBND tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu;

3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị làm đại diện chủ sở hữu (gọi tắt là Người đại diện);

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu.

Điều 3. Mục đích giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp để có biện pháp khắc phục tồn tại, hoàn thành mục tiêu, kế hoạch kinh doanh, nhiệm vụ công ích, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

2. Giúp UBND tỉnh kịp thời phát hiện các yếu kém trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cảnh báo và đề ra biện pháp chấn chỉnh.

3. Thực hiện công khai minh bạch tình hình tài chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

4. Nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 4. Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Chủ thể giám sát

a) UBND tỉnh thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước.

b) UBND tỉnh giao Sở Tài chính làm đầu mối, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp do UBND tỉnh quyết định thành lập.

Đối với doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước thực hiện chức năng giám sát thông qua Người đại diện.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Tổ chức thực hiện và tổng hợp kết quả giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Thông tư số 200/2015/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

b) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để làm căn cứ giám sát, đánh giá và xếp loại doanh nghiệp; cho ý kiến để Người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển để làm căn cứ giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và xếp loại Người đại diện.

c) Khi phát hiện tình hình tài chính, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro, phải cảnh báo kịp thời cho doanh nghiệp, Sở Tài chính chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh để chỉ đạo doanh nghiệp có giải pháp kịp thời

ngăn chặn, khắc phục các rủi ro, yếu kém; đưa ra các biện pháp chấn chỉnh và xử lý sai phạm về quản lý tài chính của doanh nghiệp.

d) Thực hiện quản lý hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp; chủ trì phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện công khai thông tin doanh nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.

đ) Tổng hợp việc tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các kiến nghị của cơ quan tài chính, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc xử lý các sai phạm và biện pháp tăng cường giám sát tài chính doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Báo cáo đề xuất xử lý kỷ luật đối với người quản lý doanh nghiệp trong các trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định và không chấp hành các khuyến nghị, chỉ đạo trong báo cáo giám sát của UBND tỉnh, các cơ quan thực hiện giám sát tài chính.

Chương II

GIÁM SÁT ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP

Điều 5. Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Việc giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Chương 2 Nghị định 87/2015/NĐ-CP và Chương 2 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC, trong đó:

1. Doanh nghiệp lập báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp năm trước theo biểu mẫu quy định tại Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC, gửi về Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

2. Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp, Sở Tài chính lập báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp năm trước đối với từng doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

3. Trên cơ sở báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp năm trước, UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.

CHƯƠNG III

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 6. Kế hoạch tài chính

1. Việc xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Điều 8 Thông tư số 36/2021/TT-BTC hướng dẫn một

số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ, trong đó:

a) Căn cứ kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước lập kế hoạch tài chính năm tiếp theo, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Kế hoạch tài chính được lập theo Biểu mẫu tại Phụ lục số 02 - Mẫu số 01 “Kế hoạch tài chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước” kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chính thức bằng văn bản để doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoàn chỉnh kế hoạch tài chính.

c) Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở để Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát, đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Điều 7. Kế hoạch giám sát tài chính

1. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch giám sát tài chính theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Kế hoạch giám sát tài chính được Ủy ban nhân dân phê duyệt và công bố trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

Mục 2 GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 8. Nội dung giám sát

Nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Điều 9. Phương thức giám sát của chủ sở hữu

1. Giám sát tài chính thực hiện bằng phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau, trong đó tập trung việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của doanh nghiệp và có cảnh báo, giải pháp xử lý. Hàng năm chủ sở hữu thực hiện giám sát tại doanh nghiệp ít nhất là một (01) lần/năm.

2. Việc kiểm tra, thanh tra thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về kiểm tra, thanh tra.

Điều 10. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Tổ chức giám sát tài chính trong nội bộ doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp phải tổ chức tự giám sát. Chủ thể tự giám sát trong nội bộ doanh nghiệp là Kiểm soát viên và kiểm soát nội bộ (nếu có).

b) Mục đích giám sát

Doanh nghiệp tự giám sát diễn biến về hoạt động của doanh nghiệp để phát hiện kịp thời những tồn tại, vướng mắc và ngăn chặn, khắc phục những nguy cơ mất an toàn về tài chính; rủi ro trong quản lý tài chính của doanh nghiệp, trong sản xuất, kinh doanh; đưa ra các quyết định về quản lý điều hành, các biện pháp xử lý, hoặc kiến nghị với chủ sở hữu, với cơ quan chức năng của Nhà nước quyết định những vấn đề không thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp.

c) Phương thức thực hiện sẽ thực hiện giám sát theo các hình thức giám sát trước, trong và sau hoạt động của doanh nghiệp. Giám sát nội bộ doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Luật số 68/2025/QH15, Điều lệ doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp

a) Xây dựng và ban hành các quy trình quản lý phục vụ giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: lập báo cáo tài chính hợp nhất, quy trình quản lý rủi ro tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh;

b) Doanh nghiệp phải lập báo cáo kết quả công tác giám sát tài chính nội bộ định kỳ hằng năm theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có);

c) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ nói riêng và doanh nghiệp nói chung, đảm bảo thu thập được thông tin về các chỉ tiêu giám sát tài chính doanh nghiệp;

d) Lập và gửi các báo cáo phục vụ công tác giám sát tài chính theo quy định của cơ quan tài chính và của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Quy chế này;

đ) Được quyền thuê tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính để xây dựng chi tiêu giám sát tài chính đặc thù (nếu có), báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt làm cơ sở để tổ chức thực hiện;

e) Có trách nhiệm thuê công ty cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán độc lập theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu để soát xét lại số liệu tài chính của doanh nghiệp

f) Khi doanh nghiệp có các dấu hiệu mất an toàn về tài chính theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, doanh nghiệp phải chủ động và báo cáo kịp thời cho UBND tỉnh và Sở Tài chính.

g) Xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ mất an toàn tài chính doanh nghiệp, rủi ro trong quản lý tài chính doanh nghiệp khi có cảnh báo của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính;

h) Thực hiện đầy đủ kịp thời các chỉ đạo, khuyến nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính trong các báo cáo giám sát. Trường hợp không thống nhất, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính. Khi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính đưa ra ý kiến cuối cùng thì doanh nghiệp có trách nhiệm phải thực hiện các ý kiến đó.

Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng, hàng năm, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trách nhiệm lập Báo cáo đánh giá tình hình tài chính theo nội dung quy định và mẫu biểu nêu tại khoản 2, Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC và gửi về Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước lập báo cáo giám sát tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này và các tài liệu có liên quan, Sở Tài chính kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, tổng hợp kết quả giám sát tài chính và lập báo cáo kết quả giám sát tài chính theo Biểu 03 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC gửi UBND tỉnh trước ngày 20 tháng 8 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 25 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để UBND tỉnh thông qua kết quả giám sát và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Mục 3

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT

Điều 12. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt

Sở Tài chính căn cứ các dấu hiệu mất an toàn tài chính quy định tại Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP để chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND tỉnh thống nhất, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định đưa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước vào diện giám sát đặc biệt và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc diện giám sát đặc biệt

1. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 27 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân

dân tỉnh và Sở Tài chính theo biểu mẫu tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC và các văn bản có liên quan.

2. Thời hạn báo cáo, tần suất báo cáo

a) Thời hạn báo cáo: Báo cáo tháng gửi trước ngày 05 của tháng tiếp theo; Báo cáo quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo; Báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

b) Tần suất báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại Quyết định giám sát tài chính đặc biệt.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Điều 14. Tổ chức thực hiện việc đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

Việc đánh giá hiệu quả và xếp loại của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước phải căn cứ vào quy định tại Điều 29 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC.

Điều 15. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC.

Điều 16. Phương pháp đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

Phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; Điều 14 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC.

Điều 17. Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

1. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

a) Căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và các chỉ tiêu do UBND tỉnh giao, tự đánh giá và xếp loại do doanh nghiệp gửi Sở Tài chính thẩm định;

b) Báo cáo đánh giá và xếp loại doanh nghiệp hằng năm được lập theo biểu mẫu 05.A kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC và gửi cho Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

2. Sở Tài chính

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan thẩm định báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật hàng năm của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đối với lĩnh vực mình quản lý, tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích được giao của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trước ngày 30 tháng 6 hàng năm (sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính).

CHƯƠNG IV

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 18. Nội dung giám sát của chủ sở hữu

UBND tỉnh thực hiện giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; các Điều 8, 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC.

Điều 19. Phương thức giám sát

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Việc giám sát tài chính thực thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh do Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp, UBND tỉnh chỉ đạo Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp yêu cầu Ban Kiểm soát doanh nghiệp thực hiện kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 20. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

a) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Sở Tài chính và UBND trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

b) Căn cứ báo cáo của Người đại diện lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Sở Tài chính kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp và tổng hợp kết quả giám sát tài chính chính theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số

77/2021/TT-BTC gửi UBND tỉnh trước ngày 25 tháng 7 hằng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 25 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để UBND tỉnh thông qua kết quả giám sát và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

a) Định kỳ hàng năm, Người đại diện lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Sở Tài chính và UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

b) Căn cứ báo cáo của Người đại diện lập theo quy định tại a khoản 2 Điều này, Sở Tài chính kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp và tổng hợp kết quả giám sát tài chính theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 77/2021/TT-BTC gửi UBND tỉnh trước ngày 25 tháng 5 năm tiếp theo để UBND tỉnh thông qua kết quả giám sát và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Chương V CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 21. Công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

Doanh nghiệp thực hiện công khai thông tin tài chính theo nội dung quy định tại Mục 2 Chương V Nghị định số 87/2015/NĐ-CP (trước ngày 15 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo tài chính 6 tháng và trước 31 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo tài chính năm); thực hiện công khai thông tin tài chính bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

Điều 22. Công khai thông tin của UBND tỉnh về tình hình đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư vào doanh nghiệp

Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh thực hiện công khai thông tin theo quy định tại Mục 3 Chương V Nghị định số 87/2015/NĐ-CP đối với quản lý theo Biểu mẫu số: 06.A, 06.B, 06.C kèm theo tại Điều 16 Thông tư số 200/2015/TT-BTC trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện và theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Đối với các cơ quan liên quan

a) Phối hợp với Sở Tài chính triển khai thực hiện và theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

b) Đối với Sở Nội vụ, Thuế tỉnh, Thanh tra tỉnh, định kỳ hàng năm, có thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính đối với các doanh nghiệp có vi phạm về thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước theo các lĩnh vực trước ngày 30 tháng 3 năm tiếp theo:

Sở Nội vụ: Việc chấp hành pháp luật lao động, chính sách tiền lương;

Thanh tra tỉnh: Các sai phạm (nếu có) việc thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu;

Thuế tỉnh: Việc chấp hành pháp luật về thuế đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

c) Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh có trách nhiệm

Đăng tải thông tin công bố của UBND tỉnh theo Quy chế này.

3. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành thực hiện giám sát tài chính, quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, các kế hoạch đã được phê duyệt; đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin doanh nghiệp theo quy định.

4. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ, chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các quy định có liên quan.

b) Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo của các doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh để cảnh báo doanh nghiệp trong trường hợp phát sinh những rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5. Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ, chức năng, nhiệm vụ, chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện các biện pháp giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, kịp thời phát hiện các vấn đề có khả năng gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính và vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo UBND tỉnh và Sở Tài chính để xem xét xử lý.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó; trường hợp nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. 